

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 11-6-2025.

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Trần Thị Gấm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Đặng Văn N1, sinh năm 1970 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N sống chung với ông Đặng Văn N1, sinh năm 1970 tại thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, ông N1 đánh đập bà N. Hai người vẫn sống

chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm với ông N1 không còn, bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố bà và ông Đặng Văn N1 không có quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống bà N và ông N1 có 04 con chung là Đặng Thái S, sinh ngày 02-11-1996; Đặng Duy K, sinh ngày 15-10-1999; Đặng Anh D, sinh ngày 01-5-2006 và Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015.

Đối với Đặng Thái S, Đặng Duy K, Đặng Anh D hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Bà N có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn N1 đã được thông báo, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không hợp tác làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N và ông N1.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Văn N1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông N1. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Văn N1 có 04 con chung là Đặng Thái S sinh ngày 02-11-1996; Đặng Duy K, sinh ngày 15-10-1999; Đặng Anh D, sinh ngày 01-5-2006 và Đặng Thị Ngọc Á sinh ngày 23-12-2015. Đối với Đặng Thái S, Đặng Duy K, Đặng Anh D đã thành niên, có khả năng lao động và đương sự không yêu cầu về việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015 bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử giao Đặng Thị Ngọc Á cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng Văn N1 và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Ông Đặng Văn N1 có nơi cư trú tại thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Đắk Song có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đặng Văn N1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Văn N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên bà N và ông N1 phát sinh mâu thuẫn, mặc dù còn sống chung nhà nhưng tình cảm đã hết. Chính quyền địa phương ở nơi bà N và ông N1 cư trú cũng xác nhận bà N và ông N1 chung sống với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà N và ông N1 chung sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình¹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình².

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Văn N1 có 04 con chung là Đặng Thái Sơn, sinh ngày 02-11-1996; Đặng Duy K, sinh ngày 15-10-1999; Đặng Anh D, sinh ngày 01-5-2006 và Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015. Đối với 03 con chung Đặng Thái S, Đặng Duy K, Đặng Anh D đều đã thành niên, các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về người chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với con chung Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015 bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, con chung là cháu Đặng Thị Ngọc Á có nguyện vọng được

¹ **Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:** “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

² **Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:** “2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.”

ở với mẹ. Ông N1 không hợp tác làm việc với Tòa án nên không thể hiện được nguyện vọng về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở giao con chung cho ông N1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp;

Bà N không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Đặng Văn N1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Văn N1.

Về con chung: Giao con chung Đặng Thị Ngọc Á, sinh ngày 23-12-2015 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, ông Đặng Văn N1, là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0004606 ngày 15 tháng 4 N1 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã Đắk Môl;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

